

MỤC LỤC

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP  
GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC  
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét	5
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	13 - 36

\*\*\*\*\*

## CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thanh Hoa – Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

#### Khái quát về Công ty

Công ty là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2603000166, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 5 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 12 lần được cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ nhất ngày 26 tháng 10 năm 2004 về việc bổ sung tên và địa chỉ Chi nhánh Công ty Cổ phần Thanh Hoa – Sông Đà tại Sơn La.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 2 ngày 07 tháng 8 năm 2006 về việc thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 3 ngày 21 tháng 9 năm 2006 về việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 4 ngày 01 tháng 6 năm 2007 về việc thay đổi vốn điều lệ và thông tin về vốn góp của các thành viên sáng lập.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 5 ngày 24 tháng 6 năm 2008 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, thông tin về email và website của Công ty.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 6 ngày 15 tháng 6 năm 2009 về việc thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật và bỏ thông tin Chi nhánh Công ty Cổ phần Thanh Hoa – Sông Đà tại Sơn La.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 7 ngày 27 tháng 7 năm 2010 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 8 ngày 15 tháng 12 năm 2010 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 9 ngày 20 tháng 12 năm 2012 về việc bổ sung chi nhánh và địa điểm kinh doanh của Công ty.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 10 ngày 12 tháng 7 năm 2013 về việc thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật, bỏ thông tin Chi nhánh Công ty Cổ phần Thanh Hoa – Sông Đà tại Sơn La.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 11 ngày 17 tháng 12 năm 2013 về việc thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 12 ngày 21 tháng 4 năm 2014 về việc thay đổi thông tin về địa điểm kinh doanh của Công ty.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 13 ngày 12 tháng 01 năm 2015 về việc thay đổi thông tin về địa điểm kinh doanh của Công ty.

#### Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
- Điện thoại : 0373 852 230
- Fax : 0373 855 750

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;  
Cụ thể: xây dựng công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu;  
Cụ thể: sản xuất vật liệu xây dựng;

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ**  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Điều hành tour du lịch;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bảo dưỡng và sửa chữa ô tô, xe máy;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Xây dựng nhà các loại;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;  
Cụ thể: Đầu tư kinh doanh nhà ở và văn phòng cho thuê;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;  
Cụ thể: kinh doanh các mặt hàng bách hóa, vải sợi may mặc, văn phòng, thiết bị nội thất, thực phẩm tươi sống, thực phẩm công nghệ, nông sản, rượu bia, nước ngọt, thuốc lá, lương thực, thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, vật tư nông nghiệp, điện máy, điện tử, điện lạnh;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trương Vạn Thành	Chủ tịch	Ngày 11 tháng 5 năm 2009
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên	Ngày 11 tháng 5 năm 2009
Ông Lê Văn Tường	Thành viên	Ngày 11 tháng 5 năm 2009
Bà Chu Thị Hòa	Thành viên	Ngày 26 tháng 4 năm 2012
Ông Đỗ Văn Thái	Thành viên	Ngày 09 tháng 12 năm 2013

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Dương Trọng Chính	Trưởng ban	Ngày 26 tháng 4 năm 2012
Bà Cao Thị Hiền	Thành viên	Ngày 24 tháng 6 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Lại	Thành viên	Ngày 24 tháng 6 năm 2014

**Ban Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Hải	Tổng Giám đốc	Ngày 08 tháng 12 năm 2013
Ông Lê Văn Tường	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 6 năm 2009

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Thanh Hải (bổ nhiệm ngày 08 tháng 12 năm 2013).

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ**  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,  


**Nguyễn Thanh Hải**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 12 tháng 08 năm 2015



**BAKER TILLY  
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Hà Nội : 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City  
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khánh Du St., Nha Trang City  
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Quê St., Cần Thơ City  
www.a-c.com.vn

Số: 353/2015/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Thanh Hoa – Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, được lập ngày 12 tháng 8 năm 2015, từ trang 6 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C  
Chi nhánh Hà Nội**



**Phạm Quang Huy - Phó Giám đốc**  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1409-2013-008-1

**Trần Anh Tuấn - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1708-2013-008-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>31.432.247.685</b>	<b>29.591.268.428</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>7.057.847.979</b>	<b>5.600.792.477</b>
1. Tiền	111		2.357.847.979	1.300.792.477
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.700.000.000	4.300.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>9.124.678.487</b>	<b>9.869.455.744</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	5.552.271.435	5.809.103.239
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	519.596.213	520.340.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	4.068.484.836	4.374.270.349
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1.015.673.997)	(834.257.844)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>15.187.642.783</b>	<b>14.045.491.907</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	15.187.642.783	14.045.491.907
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>62.078.436</b>	<b>75.528.300</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	62.078.436	75.528.300
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>30.554.786.749</b>	<b>30.669.580.727</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.592.647.004</b>	<b>1.199.796.791</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1.592.647.004	1.199.796.791
<i>Nguyên giá</i>	222		8.629.197.265	7.992.489.992
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(7.036.550.261)	(6.792.693.201)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	V.9	<b>25.513.862.031</b>	<b>26.105.528.043</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		32.354.818.563	32.354.818.563
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(6.840.956.532)	(6.249.290.520)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.10	<b>3.208.154.437</b>	<b>3.179.821.347</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.208.154.437	3.179.821.347
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>240.123.277</b>	<b>184.434.546</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	240.123.277	184.434.546
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>61.987.034.434</b>	<b>60.260.849.155</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ



**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>28.517.061.893</b>	<b>25.996.718.654</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>17.392.061.890</b>	<b>12.321.718.649</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11a	12.572.877.697	9.944.028.809
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		829.649	88.199.300
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	595.538.539	451.801.806
4. Phải trả người lao động	314		330.358.616	506.098.447
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.13a	1.954.191.813	284.347.844
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14b	184.650.551	107.663.958
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	1.501.895.079	797.999.030
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	251.719.946	141.579.455
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>11.125.000.003</b>	<b>13.675.000.005</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.13b	11.125.000.003	13.675.000.005
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>33.469.972.541</b>	<b>34.264.130.501</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>33.469.972.541</b>	<b>34.264.130.501</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(2.162.020.000)	(2.162.020.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.272.394.010	3.867.394.010
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.359.598.531	2.558.756.491
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	2.558.756.491
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.359.598.531	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>61.987.034.434</b>	<b>60.260.849.155</b>

Lập ngày 12 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Thủy

Vũ Thị Lý

Nguyễn Thanh Hải

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	113.070.475.753	87.055.666.281
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	113.070.475.753	87.055.666.281
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	106.740.458.297	82.363.525.805
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.330.017.456	4.692.140.476
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	207.128.286	110.015.343
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	63.806.942	241.655.288
Trong đó: chi phí lãi vay	23		63.806.942	241.655.288
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	3.846.943.218	3.832.318.532
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	2.134.275.954	1.762.552.824
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		492.119.628	(1.034.370.825)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.993.148.962	2.488.445.971
12. Chi phí khác	32	VI.8	717.568.188	442.528.916
13. Lợi nhuận khác	40		1.275.580.774	2.045.917.055
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.767.700.402	1.011.546.230
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	408.101.871	274.295.162
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>1.359.598.531</u>	<u>737.251.068</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>450</u>	<u>290</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		<u>-</u>	<u>-</u>

Lập, ngày 12 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Thủy

Vũ Thị Lý

Nguyễn Thanh Hải

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.767.700.402	1.011.546.230
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	835.523.072	1.107.368.696
- Các khoản dự phòng	03 VI.6	225.349.665	39.896.740
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04 VI.3	(170.727)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(79.384.945)	-
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	63.806.942	241.655.288
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.812.824.409	2.400.466.954
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	515.722.037	(3.250.135.557)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.142.150.876)	5.998.527.852
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	1.462.771.690	1.594.937.541
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(42.238.867)	(38.309.194)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(63.806.942)	(241.655.288)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.12	(237.318.712)	(289.987.694)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.16	(153.616.000)	(22.892.727)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>3.152.186.739</b>	<b>6.150.951.887</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(665.040.363)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	83.090.500	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(581.949.863)</b>	<b>-</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ(tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33 V.15	33.188.097.112	42.245.479.615
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.15	(32.484.201.063)	(46.495.723.900)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.817.248.150)	(700.625)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.113.352.101)</b>	<b>(4.250.944.910)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>1.456.884.775</b>	<b>1.900.006.977</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60 V.1</b>	<b>5.600.792.477</b>	<b>1.921.609.614</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	170.727	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70 V.1</b>	<b>7.057.847.979</b>	<b>3.821.616.591</b>

Lập, ngày 12 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Vũ Thị Lý

Nguyễn Thanh Hải

## CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA - SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thanh Hoa – Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê và kinh doanh hàng hóa.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

*Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp thương mại – Dịch vụ số 1	Lô G3 Khu công nghiệp Tây Bắc Ga, Đông Thọ, Thanh Hóa
Xí nghiệp thương mại – Dịch vụ số 2	Số 13 Cao Thắng, P. Lam Sơn, TP Thanh Hóa
Xí nghiệp thương mại – Dịch vụ số 3	Số 301 đường Trần Phú, P.Ba Đình, Thanh Hóa
Xí nghiệp thương mại – Dịch vụ số 6	Lô G3 Khu công nghiệp Tây Bắc Ga, Đông Thọ, Thanh Hóa

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm trước.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 69 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 70 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

#### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

#### **3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

### **4. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp.

### **5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là hàng hóa được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### **6. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 20
Máy móc và thiết bị	4 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 – 8

#### 8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà và cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 36

#### 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

### **10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### **11. Vốn chủ sở hữu**

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

### **12. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### *Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **14. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### **15. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **16. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

#### **17. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### **18. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### **19. Công cụ tài chính**

##### ***Tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### ***Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

##### ***Bù trừ các công cụ tài chính***

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	783.417.063	1.219.304.557
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.574.430.916	81.487.920
Các khoản tương đương tiền	4.700.000.000	4.300.000.000
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	4.700.000.000	4.300.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>7.057.847.979</u></b>	<b><u>5.600.792.477</u></b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>5.552.271.435</i>	<i>5.809.103.239</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư XD và TM Anh Phát	651.380.000	-
Các khách hàng khác	4.900.891.435	5.809.103.239
<b>Cộng</b>	<b><u>5.552.271.435</u></b>	<b><u>5.809.103.239</u></b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>519.596.213</i>	<i>520.340.000</i>
Công ty Cổ phần Thiết kế Phạm Vũ Nguyễn	391.440.000	154.440.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Thảo	-	355.900.000
Công ty Hà Nội Ching Hai Electric Works Co.Ltd	107.655.900	-
Các nhà cung cấp khác	20.500.313	10.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>519.596.213</u></b>	<b><u>520.340.000</u></b>

**4. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>4.068.484.836</i>	-	<i>4.374.270.349</i>	-
Phải thu tiền thưởng của Điện lạnh Hòa Phát	-	-	836.805.336	-
Phải thu lãi ký quỹ, tiền thưởng doanh số	280.618.000	-	412.958.240	-
Ký cược, ký quỹ	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Tạm ứng	194.214.213	-	6.435.798	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	593.652.623	-	118.070.975	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.068.484.836</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>4.374.270.349</u></b>	<b><u>-</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****5. Nợ xấu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>						
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		<b>1.451.574.017</b>	<b>435.900.020</b>		<b>1.339.833.706</b>	<b>505.575.862</b>
Công ty Cổ phần ĐTXD và TM Anh Trang – <i>Phải thu tiền bán hàng</i>	1 năm	114.060.000	57.030.000	1 năm	134.060.000	93.842.000
Công ty Cổ phần Huy Phát – <i>Phải thu tiền bán hàng</i>	2 năm	391.935.278	117.580.583	2 năm	391.935.278	195.967.639
Công ty TNHH MTV Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Tháo - <i>tiền ứng trước thực hiện hợp đồng</i>	1 năm	355.900.000	113.770.000	1 năm	355.900.000	106.770.000
Công ty TNHH Quang Minh – <i>phải thu tiền bán hàng</i>	1 năm	112.625.501	56.312.750		-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1 năm	64.392.374	32.196.187	1 năm	101.045.406	50.522.703
	2 năm	192.001.664	57.600.500	2 năm	194.911.736	58.473.520
	3 năm	220.659.200	1.410.000	3 năm	161.981.286	-
<b>Cộng</b>		<b>1.451.574.017</b>	<b>435.900.020</b>		<b>1.339.833.706</b>	<b>505.575.862</b>

(i) Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn		Nợ phải thu dài hạn		Cộng
	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	
Số đầu năm	834.257.844	-	-	-	834.257.844
Trích lập dự phòng bổ sung	271.213.487	-	-	-	271.213.487
Hoàn nhập dự phòng	(45.863.822)	-	-	-	(45.863.822)
Giảm khác (xử lý công nợ không thu hồi được)	(43.933.512)	-	-	-	(43.933.512)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.015.673.997</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.015.673.997</b>

**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	27.746.379	-	27.746.379	-
Hàng hóa	15.100.558.975	-	14.017.745.528	-
Hàng gửi đi bán	59.337.429	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>15.187.642.783</b>	<b>-</b>	<b>14.045.491.907</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

**7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	12.032.824	17.469.818
Chi phí bảo hiểm	15.035.779	12.812.398
Phí sử dụng đường bộ	7.561.170	7.574.417
Chi phí sửa chữa lắp đặt	7.448.663	17.671.667
Chi phí thuê kho	20.000.000	20.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>62.078.436</u></b>	<b><u>75.528.300</u></b>

**7b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	161.260.105	122.100.256
Chi phí sửa chữa, lắp đặt	76.518.429	62.334.290
Phí kiểm định	2.344.743	
<b>Cộng</b>	<b><u>240.123.277</u></b>	<b><u>184.434.546</u></b>

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	1.977.113.308	2.597.638.568	2.908.432.665	509.305.451	7.992.489.992
Mua trong kỳ	-	-	636.707.273		636.707.273
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>1.977.113.308</u></b>	<b><u>2.597.638.568</u></b>	<b><u>3.545.139.938</u></b>	<b><u>509.305.451</u></b>	<b><u>8.629.197.265</u></b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	986.604.832	2.155.189.652	1.251.238.210	509.305.451	4.902.338.145
Chờ thanh lý	-	442.445.916	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	1.649.857.840	2.438.017.051	2.195.512.859	509.305.451	6.792.693.201
Khấu hao trong kỳ	54.544.980	55.306.115	134.005.965	-	243.857.060
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>1.704.402.820</u></b>	<b><u>2.493.323.166</u></b>	<b><u>2.329.518.824</u></b>	<b><u>509.305.451</u></b>	<b><u>7.036.550.261</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	327.255.468	159.621.517	712.919.806	-	1.199.796.791
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>272.710.488</u></b>	<b><u>104.315.402</u></b>	<b><u>1.215.621.114</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.592.647.004</u></b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	104.315.402	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****9. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư cho thuê là nhà và cơ sở hạ tầng. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	32.354.818.563	6.249.290.520	26.105.528.043
Tăng trong năm	-	591.666.012	-
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>32.354.818.563</b>	<b>6.840.956.532</b>	<b>25.513.862.031</b>

Theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Siêu thị 301 Trần Phú	5.361.016.967	1.876.355.963	3.484.661.004
Trung tâm Thương mại 25 Lê Lợi	15.488.315.193	3.430.535.706	12.057.779.487
Showroom Bắc Cầu Hạc	11.505.486.403	1.534.064.863	9.971.421.540
<b>Cộng</b>	<b>32.354.818.563</b>	<b>6.840.956.532</b>	<b>25.513.862.031</b>

Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ việc cho thuê	4.749.985.234	3.402.886.847
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	1.277.867.340	774.989.020
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-

Bất động sản đầu tư là Trung tâm Thương mại 25 Lê Lợi có giá trị còn lại theo sổ sách là 12.057.779.487 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa.

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	
			<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	3.179.821.347	28.333.090	-	3.208.154.437
Công trình Bắc Cầu Hạc	3.179.821.347	28.333.090	-	3.208.154.437
<b>Cộng</b>	<b>3.179.821.347</b>	<b>28.333.090</b>	<b>-</b>	<b>3.208.154.437</b>

**11. Phải trả người bán ngắn hạn****11a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	12.572.877.697	9.944.028.809
Công ty Cổ phần sứ Hải dương	572.559.094	1.119.513.336
Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	3.216.963.872	2.432.726.904

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ



**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	4.437.973.480	1.401.481.192
Công ty Cổ phần Xi măng Hoà Phát	1.120.630.540	1.120.630.540
Công ty Cổ phần Nội thất Hoà phát	1.267.797.077	1.269.902.860
Công ty TNHH Một thành viên Quang điện - Điện tử	1.149.739.000	742.128.000
Các nhà cung cấp khác	807.214.634	1.857.645.977
<b>Cộng</b>	<b><u>12.572.877.697</u></b>	<b><u>9.944.028.809</u></b>

**11b. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Nợ quá hạn của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Nợ quá hạn của các nhà cung cấp khác</i>	<b>42.705.707</b>	<b>42.705.707</b>
Công ty Cổ phần Nhựa Hưng Yên	29.000.000	29.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại điện cơ Hà Nội	13.415.699	13.415.699
<b>Cộng</b>	<b><u>42.705.707</u></b>	<b><u>42.705.707</u></b>

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	171.329.380	627.007.956	(731.259.252)	67.078.084
Thuế thu nhập doanh nghiệp	246.559.536	408.101.871	(237.318.712)	417.342.695
Thuế thu nhập cá nhân	33.912.890	116.000.555	(48.956.863)	100.956.582
Tiền thuế đất	-	762.317.616	(762.317.616)	-
Các loại thuế khác	-	7.000.000	(7.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	10.161.178		10.161.178
<b>Cộng</b>	<b><u>451.801.806</u></b>	<b><u>1.930.589.176</u></b>	<b><u>(1.786.852.443)</u></b>	<b><u>595.538.539</u></b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.767.700.402	1.011.546.230
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	23.335.377	235.250.000
- Các khoản điều chỉnh tăng (phạt vì phạm hành chính, phạt chậm nộp thuế)	23.506.104	235.250.000
- Các khoản điều chỉnh giảm (CLTG chưa thực hiện đánh giá lại khoản mục tiền tệ)	-170.727	

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập chịu thuế	1.791.035.779	1.246.796.230
Thu nhập được miễn thuế		
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	1.791.035.779	1.246.796.230
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>394.027.871</b>	<b>274.295.171</b>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>		
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>		
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>394.027.871</b>	<b>274.295.162</b>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<i>14.074.000</i>	
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>408.101.871</b>	<b>274.295.162</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

**Tiền thuê đất, thuế nhà đất**

Tiền thuê đất, thuế nhà đất được nộp theo thông báo cơ quan thuế

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**13. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/dài hạn****13a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>	-	-
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>1.954.191.813</b>	<b>284.347.844</b>
Tiền thưởng doanh số	59.130.296	117.028.257
Doanh thu cho thuê văn phòng nhận trước	1.895.061.517	167.319.587
<b>Cộng</b>	<b>1.954.191.813</b>	<b>284.347.844</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****13b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>	-	-
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	11.125.000.003	13.675.000.005
Doanh thu cho thuê văn phòng nhận trước	11.125.000.003	13.675.000.005
<b>Cộng</b>	<b>11.125.000.003</b>	<b>13.675.000.005</b>

**14. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	184.650.551	107.663.958
Tiền ký quỹ của người lao động	20.448.133	20.448.133
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	159.967.675	87.215.825
Kinh phí công đoàn	809.743	
Phải trả khác	3.425.000	
<b>Cộng</b>	<b>184.650.551</b>	<b>107.663.958</b>

**15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	1.501.895.079	1.501.895.079	797.999.030	797.999.030
<i>Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa(i)</i>	1.501.895.079	1.501.895.079	797.999.030	797.999.030
<b>Cộng</b>	<b>1.501.895.079</b>	<b>1.501.895.079</b>	<b>797.999.030</b>	<b>797.999.030</b>

(i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Thanh Hóa theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 3500/HS/2014/004/HĐTĐ ngày 05 tháng 12 năm 2014 với hạn mức là 11.500.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 7%/năm, thời hạn cấp tín dụng đến 18/11/2015. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ công trình xây dựng trung tâm thương mại 25 Lê Lợi- Thanh Hóa và một số máy móc, thiết bị khác theo hợp đồng thế chấp tài sản số 02-2014 THSD/BBĐG ngày 02 tháng 12 năm 2014 (xem thuyết minh số V9).

(ii) Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	797.999.030	4.491.244.285
Số tiền vay phát sinh	33.188.097.112	42.245.479.615
Số tiền vay đã trả	(32.484.201.063)	(46.495.723.900)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.501.895.079</b>	<b>241.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	129.199.222	150.000.000	(116.000.000)	163.199.222
Quỹ phúc lợi	12.380.233	113.756.491	(37.616.000)	88.520.724
<b>Cộng</b>	<b>141.579.455</b>	<b>263.756.491</b>	<b>(153.616.000)</b>	<b>251.719.946</b>

**17. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	2.326.135.950	1.201.258.060	2.486.360.382	36.013.754.392
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	737.251.068	737.251.068
Trích lập các quỹ trong kỳ trước	-	100.000.000	240.000.000	(536.360.382)	(196.360.382)
Chia cổ tức kỳ trước	-	-	-	(1.950.000.000)	(1.950.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	<b>30.000.000.000</b>	<b>2.426.135.950</b>	<b>1.441.258.060</b>	<b>737.251.068</b>	<b>34.604.645.078</b>
Số dư đầu năm nay	30.000.000.000	(2.162.020.000)	3.867.394.010	2.558.756.491	34.264.130.501
Lợi nhuận trong kỳ nay	-	-	-	1.359.598.531	1.359.598.531
Trích lập các quỹ	-	-	405.000.000	(668.756.491)	(263.756.491)
Chia cổ tức	-	-	-	(1.890.000.000)	(1.890.000.000)
Số dư cuối kỳ này	<b>30.000.000.000</b>	<b>(2.162.020.000)</b>	<b>4.272.394.010</b>	<b>1.359.598.531</b>	<b>33.469.972.541</b>

**17a. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	300.000	300.000
- Cổ phiếu phổ thông	300.000	300.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000	2.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.700.000	2.700.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****17b. Phân phối lợi nhuận**

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 số 12/ĐHĐCD-NQ ngày 20 tháng 3 năm 2015 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 1.890.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 405.000.000
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	263.756.491

**18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****18a. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	424,03	423,93

**18b. Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	
	VND	VND	
Khách mua xi măng	13.222.362		Không có khả năng thu hồi
Nguyễn Thị Yến		7.077.525	Không có khả năng thu hồi
<b>Cộng</b>	<u>13.222.362</u>	<u>7.077.525</u>	

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	108.320.490.519	83.652.779.434
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.749.985.234	3.402.886.847
<b>Cộng</b>	<u>113.070.475.753</u>	<u>87.055.666.281</u>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	105.462.590.957	81.588.536.785
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.277.867.340	774.989.020
<b>Cộng</b>	<u>106.740.458.297</u>	<u>82.363.525.805</u>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	79.384.945	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	6.378.181	6.015.343
Chiết khấu thanh toán	36.048.600	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	170.727	-
Lãi ký quỹ	85.145.833	104.000.000
<b>Cộng</b>	<u>207.128.286</u>	<u>110.015.343</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****4. Chi phí tài chính**

Là chi phí lãi vay.

**5. Chi phí bán hàng****Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí cho nhân viên	1.965.096.599	1.699.539.344
Chi phí vật liệu, bao bì	4.564.872	2.675.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	61.817.584	67.294.983
Chi phí khấu hao tài sản cố định	161.259.986	429.299.618
Chi phí dịch vụ mua ngoài	582.329.986	665.450.325
Các chi phí khác	1.071.874.191	968.059.262
<b>Cộng</b>	<b>3.846.943.218</b>	<b>3.832.318.532</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp****Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí cho nhân viên	1.002.614.480	887.368.080
Chi phí vật liệu quản lý	42.282.003	57.187.028
Chi phí đồ dùng văn phòng	49.923.409	52.855.865
Chi phí khấu hao tài sản cố định	82.597.074	86.403.066
Thuế, phí và lệ phí	79.116.288	88.584.122
Dự phòng phải thu khó đòi	225.349.665	39.896.740
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.233.555	253.598.163
Các chi phí khác	637.159.480	296.659.760
<b>Cộng</b>	<b>2.134.275.954</b>	<b>1.762.552.824</b>

**7. Thu nhập khác****Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý công cụ dụng cụ		19.959.091
Tiền điện, nước cho thuê mặt bằng	662.615.871	210.968.680
Hàng khuyến mãi, hỗ trợ bán hàng	1.330.533.032	2.256.104.246
Thu khác	59	1.413.954
<b>Cộng</b>	<b>1.993.148.962</b>	<b>2.488.445.971</b>

**8. Chi phí khác****Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi về nhượng bán, thanh lý công cụ dụng cụ		15.058.277
Tiền điện cho thuê mặt bằng	659.610.436	191.594.064
Tiền phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp thuế	23.506.104	
Tiền phạt vi phạm hợp đồng		199.250.000
Lãi chậm nộp bảo hiểm		484.925
Chi phí khác	34.451.648	36.141.650
<b>Cộng</b>	<b>717.568.188</b>	<b>442.528.916</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****9. Lãi trên cổ phiếu****9a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.359.598.531	737.251.068
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	144.000.000	131.878.246
	144.000.000	131.878.246
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.215.598.531	869.129.314
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	2.700.000	3.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>450</b>	<b>290</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	2.700.000	3.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b>2.700.000</b>	<b>3.000.000</b>

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	158.587.868	180.012.876
Chi phí nhân công	2.967.711.079	2.586.907.424
Chi phí khấu hao tài sản cố định	835.523.072	1.107.368.696
Chi phí dịch vụ mua ngoài	597.563.541	919.048.488
Chi phí khác	2.699.700.952	1.576.522.892
<b>Cộng</b>	<b>7.259.086.512</b>	<b>6.369.860.376</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	558.297.510	364.500.000
Thù lao	138.000.000	129.000.000
<b>Cộng</b>	<b>696.297.510</b>	<b>493.500.000</b>

## 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Kinh doanh hàng hóa.
- Lĩnh vực 02: Kinh doanh dịch vụ.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa	Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ	Cộng
<b>Kỳ này</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	108.320.490.519	4.749.985.234	113.070.475.753
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>108.320.490.519</b>	<b>4.749.985.234</b>	<b>113.070.475.753</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(989.043.656)	3.472.117.894	2.483.074.238
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(2.134.275.954)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			348.798.284
Doanh thu hoạt động tài chính			207.128.286
Chi phí tài chính			(63.806.942)
Thu nhập khác			1.993.148.962
Chi phí khác			(717.568.188)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(408.101.871)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ



**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa	Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ	Cộng
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>			<u>1.359.598.531</u>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<u>777.302.858</u>	<u>4.280.995</u>	<u>781.583.853</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>327.916.873</u>	<u>594.192.656</u>	<u>922.109.529</u>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>			
<b>Kỳ trước</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	83.652.779.434	3.402.886.847	87.055.666.281
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<i>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<u>83.652.779.434</u>	<u>3.402.886.847</u>	<u>87.055.666.281</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(1.768.075.883)	2.627.897.827	859.821.944
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(1.762.552.824)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(902.730.880)
Doanh thu hoạt động tài chính			110.015.343
Chi phí tài chính			(241.655.288)
Thu nhập khác			2.488.445.971
Chi phí khác			(442.528.916)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(274.295.162)
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>			<u>737.251.068</u>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<u>157.890.823</u>	<u>4.035.751</u>	<u>161.926.574</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>667.785.006</u>	<u>596.594.549</u>	<u>1.264.379.555</u>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>			
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:			
	Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa	Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	22.682.608.398	28.970.428.677	51.653.037.075
Tài sản phân bổ cho bộ phận	154.485.718	6.774.387	161.260.105
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			10.172.737.254
<i>Tổng tài sản</i>			<u>61.987.034.434</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	14.134.732.721	13.020.061.520	27.154.794.241

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

	Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa	Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ	Cộng
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			1.362.267.652
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>1.362.267.652</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	20.971.920.079	29.888.161.248	50.860.081.327
Tài sản phân bổ cho bộ phận	115.680.037	6.420.219	122.100.256
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			9.278.667.572
<b>Tổng tài sản</b>			<b>60.260.849.155</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	10.830.227.139	13.959.347.849	24.789.574.988
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			1.207.143.666
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>25.996.718.654</b>

**2b. Thông tin về khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**3. Số liệu so sánh****3a. Áp dụng chế độ kế toán mới**

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

**3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới**

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
<b>Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ</b>					
Phải thu ngắn hạn khác	136	1.367.834.551	3.006.435.798	4.374.270.349	(i)
Tài sản ngắn hạn khác	155	3.006.435.798	(3.006.435.798)		(i)
Quỹ đầu tư phát triển	418	2.426.135.950	1.441.258.060	3.867.394.010	(ii)

**(i) Phải thu ngắn hạn khác**

Do theo chế độ kế toán mới thì số liệu của chi tiêu phải thu ngắn hạn khác trên bảng CĐKT bao gồm số dư khoản tạm ứng và kỹ quỹ, ký cược ngắn hạn ( trước đây trình bày trên chi tiêu " tài sản ngắn hạn khác").

## CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

(ii) **Quỹ đầu tư phát triển**

Do theo chế độ kế toán mới thì không còn chỉ tiêu Quỹ dự phòng tài chính trên bảng CĐKT, Công ty trình bày số dư của Quỹ dự phòng tài chính cộng vào số liệu của chỉ tiêu Quỹ đầu tư phát triển.

4. **Quản lý rủi ro tài chính**

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

*Phải thu khách hàng*

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

*Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.057.847.979				7.057.847.979
Phải thu khách hàng	4.456.597.418			1.095.674.017	5.552.271.435
Các khoản phải thu khác	3.283.859.667				3.283.859.667
<b>Cộng</b>	<b>14.798.305.064</b>			<b>1.095.674.017</b>	<b>15.893.979.081</b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.600.792.477				5.600.792.477
Phải thu khách hàng	4.825.169.533			983.933.706	5.809.103.239
Các khoản phải thu khác	4.256.710.798				4.256.710.798
<b>Cộng</b>	<b>14.682.672.808</b>			<b>983.933.706</b>	<b>15.666.606.514</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 4b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay và nợ	1.501.895.079			1.501.895.079
Phải trả người bán	12.572.877.697			12.572.877.697
Các khoản phải trả khác	183.840.808			183.840.808
<b>Cộng</b>	<b>14.258.613.584</b>			<b>14.258.613.584</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	797.999.030			797.999.030
Phải trả người bán	9.944.028.809			9.944.028.809
Các khoản phải trả khác	107.663.958			107.663.958
<b>Cộng</b>	<b>10.849.691.797</b>			<b>10.849.691.797</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### 4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, và rủi ro giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

##### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THANH HOA – SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 25 Đại lộ Lê Lợi, Phường Lam Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)***Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

**4d. Tài sản đảm bảo**

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.057.847.979	5.600.792.477	7.057.847.979	5.600.792.477
Phải thu khách hàng	5.552.271.435	5.809.103.239	4.778.727.438	5.223.975.395
Các khoản phải thu khác	3.283.859.667	4.256.710.798	3.283.859.667	4.256.710.798
<b>Cộng</b>	<b>15.893.979.081</b>	<b>15.666.606.514</b>	<b>15.120.435.084</b>	<b>15.081.478.670</b>

*Nợ phải trả tài chính*

Vay và nợ	1.501.895.079	797.999.030	1.501.895.079	797.999.030
Phải trả người bán	12.572.877.697	9.944.028.809	12.572.877.697	9.944.028.809
Các khoản phải trả khác	183.840.808	107.663.958	183.840.808	107.663.958
<b>Cộng</b>	<b>14.258.613.584</b>	<b>10.849.691.797</b>	<b>14.258.613.584</b>	<b>10.849.691.797</b>


Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.


Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

**6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Lập, ngày 12 tháng 08 năm 2015

  
Nguyễn Thị Thanh Thủy  
Người lập biểu

  
Vũ Thị Lý  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thanh Hải  
Tổng Giám đốc